

Số: 65/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 21 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: chị Hà Như T, sinh năm 1989

Nơi thường trú: số 13, tổ 7, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: số 23, tổ 25, khu 4, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Người yêu cầu: anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1992

Nơi thường trú: số 15, tổ 1, khu 7, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống chung không hạnh phúc, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh T1 đã cố gắng hàn gắn và khắc phục tình cảm vợ chồng song vẫn không có kết quả nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình

hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh T1 đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu. Vì vậy, chị T và anh T1 đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: quá trình chung sống chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T có 01 con chung là Nguyễn Hà Phúc A, sinh ngày 05/3/2017. Nay ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hà Phúc A cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T và anh T1 không vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Hà Như T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T có 01 con chung Nguyễn Hà Phúc A, sinh ngày 05/3/2017.

Chị Hà Như T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Hà Như T và anh Nguyễn Trung T không có tài sản chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Chị T và anh T1 không có vay nợ chung đối với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Hà Như T tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000730 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường G, Tp. H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu H